

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH A
TỈNH HẬU GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 51/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 29/4/2021.

V/v “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH A, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Minh Mẫn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Hoa Lại

2. Ông Nguyễn Phước Trung

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Hoàng T – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A.

Ngày 29 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 290/2020/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2020 về “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: **49/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2021/QĐST-HN ngày 02 tháng 4 năm 2021** giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị Mỹ H

Địa chỉ: Ấp T, xã TP, huyện C, tỉnh H. Vắng mặt

- Bị đơn: Anh Lương Thanh T

Địa chỉ: Ấp T, xã TP, huyện C, tỉnh H. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa nguyên đơn chị Lê Thị Mỹ H trình bày: Chị và anh Lương Thanh T chung sống với nhau từ năm 2000, có tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, thành phố C, tỉnh C vào năm 2002. Thời gian chung sống vợ chồng cũng có xảy ra nhiều mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng

quan điểm, thường hay cự cãi dẫn đến đời sống vợ chồng không còn H phúc. Chị đã nhiều lần tạo điều kiện hàn gắn nhưng không thành và đã sống ly thân từ tháng năm 2019 cho đến nay. Nay chị yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Thời gian chung sống chị và anh T có 03 con chung tên Lương Thị Thu Y, sinh năm 2001, Lương Thị Ngọc T1, sinh năm 2007, Lương Thị Ngọc T2, sinh năm 2015, hiện tại cháu Y đã trưởng thành, cháu T1 và cháu T2 đang sống với anh chị. Chị yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Quá trình tố tụng bị đơn anh Lương Thanh T trình bày: Anh thống nhất với lời trình bày của chị Lê Thị Mỹ H về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung là đúng. Thời gian chung sống giữa anh và chị H có xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng thường hay cãi vã, thời gian gần đây do tôi chỉ lo làm kiếm tiền ít quan tâm đến đời sống vợ chồng nên chị H yêu cầu ly hôn. Anh vẫn còn thương yêu vợ con nên không đồng ý ly hôn. Yêu cầu Tòa án xem xét tạo điều kiện cho anh được hàn gắn.

Tại phiên toà: Chị Lê Thị Mỹ H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Anh Lương Thanh T tiếp tục vắng mặt nên không thể phát biểu yêu cầu nào mới.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp. Căn cứ theo đơn khởi kiện của nguyên đơn, Toà xác định mối quan hệ pháp luật tranh chấp cần phải giải quyết trong vụ án là “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết. Bị đơn trong vụ án là anh Lương Thanh T, hiện tại có nơi cư trú tại ấp T, xã TP, huyện C, tỉnh H. Theo quy định tại Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền của Toà án nhân dân huyện Châu Thành A.

[3]. Về xét xử vắng mặt. Anh Lương Thanh T là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt.

Về nội dung tranh chấp:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh T chung sống với nhau từ năm 2000, có tiến hành đăng ký kết hôn theo quy định nên hôn nhân của anh, chị là hợp pháp. Chị H yêu cầu ly hôn, Hội đồng xét xử xét thấy chị và anh T chung sống phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, vợ chồng thường hay cự cãi gây mất H phúc, Tòa đã mở phiên hòa giải để tạo điều kiện cho anh, chị được đoàn tụ nhưng không thành. Chị H kiên quyết yêu cầu được ly hôn. Xét quan hệ hôn nhân phải dựa trên nền tảng thương yêu, tôn trọng, chăm sóc và giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau tạo lập gia đình H phúc nhưng chị H và anh T đã sống ly thân từ tháng 5/2019 cho đến nay mà không tạo điều kiện để hàn gắn thể hiện mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị H được ly hôn với anh T.

[2]. Về con chung: Chị H yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Xét thấy chị H và anh T sống với nhau có 03 con chung tên Lương Thị Thu Y, sinh ngày 05/12/2001, Lương Thị Ngọc T1, sinh ngày 20/9/2007, Lương Thị Ngọc T2, sinh ngày 12/12/2015, từ lúc ly thân đến nay các cháu sống chung với chị H, đối với cháu Y hiện đã trưởng thành nên chị H chỉ yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung là cháu T1 và cháu T2, anh T có yêu cầu được đoàn tụ nên không có ý kiến gì về việc nuôi con. Do cháu T1 hiện tại đã trên 7 tuổi, theo quy định tại Khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình thì việc giao cháu cho ai được trực tiếp nuôi dưỡng phải xem xét nguyện vọng của các cháu và tại Tờ nêu ý kiến của cháu T1 thể hiện nếu cha mẹ không sống chung nữa thì cháu có nguyện vọng được sống với mẹ. Do đó để không làm xáo trộn, ảnh hưởng đến tâm lý của các cháu Hội đồng xét xử giao 02 con chung tên Lương Thị Ngọc T1, sinh ngày 20/9/2007, Lương Thị Ngọc T2, sinh ngày 12/12/2015 cho chị H được trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T chưa phải cấp dưỡng nuôi con do chị H chưa yêu cầu.

[3]. Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết

[4]. Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết

[5]. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: chị Lê Thị Mỹ H phải chịu.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ **Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 150, Khoản 2 Điều 227, Điều 228** của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng các **Điều 56, 81, 82, 83** Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Khoản 5 Điều **27** Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Danh mục mức án phí kèm theo.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Lê Thị Mỹ H được ly hôn với anh Lương Thanh T.

2. Về con chung: Giao con chung tên Lương Thị Ngọc T1. Giới tính: Nữ, sinh ngày 20/9/2007 và Lương Thị Ngọc T2. Giới tính: Nữ, sinh ngày 12/12/2015 cho chị Lê Thị Mỹ H được trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Lương Thanh T chưa phải cấp dưỡng nuôi con do chị Lê Thị Mỹ H chưa yêu cầu.

Anh Lương Thanh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

4. Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết

5. Về án phí: Buộc chị Lê Thị Mỹ H phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng. Chuyển 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp theo biên lai thu số 0005586 ngày 08/10/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành A thành án phí. Chị H không phải nộp thêm.

6. Quyền kháng cáo: Chị Lê Thị Mỹ H và anh Lương Thanh T vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang
- VKSND huyện Châu Thành A
- Chi cục THA dân sự huyện Châu Thành A
- UBND xã TP, huyện C, tỉnh H
- đương sự.
- Lưu hồ sơ, VP.

Trần Minh Mẫn